

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia giao nhiệm vụ: “Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, cản trở cạnh tranh lành mạnh”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định: “đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; ...”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới trong đó xác định: “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đặt ra mục tiêu: “hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30%

điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo. Triển khai mạnh mẽ việc cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính”.

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số” chỉ đạo: *“huy động, khơi thông và giải phóng nhanh mọi nguồn lực; phát triển lực lượng sản xuất mới. Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.*

b) Cơ sở pháp lý

- Theo quy định tại Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (được sửa đổi, bổ sung năm 2026) thì hoạt động dịch vụ lưu trữ không thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm: *“Tham mưu cho Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này để phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”.*

Tại Phụ lục II về Danh mục văn bản được đề xuất sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18 giao Bộ Nội vụ chủ trì, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 113/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ (sửa đổi, bổ sung Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41; khoản 4 Điều 43; Mẫu số 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10 Phụ lục).

Do đó, Bộ Nội vụ nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ nhằm đồng bộ với quy định hiện hành, đồng thời tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thực tiễn thi hành Nghị định số 113/2025/NĐ-CP cho thấy, việc áp dụng các quy định về điều kiện kinh doanh hoạt động dịch vụ lưu trữ hạ tầng kỹ thuật lưu trữ (tài liệu lưu trữ giấy, tài liệu lưu trữ số, tài liệu trên vật mang tin khác, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ) cùng các thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ đã phát sinh một số bất cập, tạo rào cản hành chính và làm tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, tổ chức.

b) Theo định hướng đổi mới phương thức quản lý nhà nước, việc chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” là giải pháp cần thiết nhằm nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trữ và các cơ quan, tổ chức

sử dụng dịch vụ lưu trữ. Việc loại bỏ các điều kiện kinh doanh không thuộc Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2026) và bãi bỏ các thủ tục hành chính cấp phép sẽ tạo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ lưu trữ mà vẫn bảo đảm yêu cầu an toàn, bảo mật thông tin tài liệu theo quy định chuyên ngành. Từ đó đòi hỏi cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường biện pháp quản lý bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn nghề hoặc phương thức hậu kiểm.

c) Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP chỉ quy định áp dụng tạm thời việc không thực hiện các điều kiện kinh doanh và thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027. Do đó, thực tiễn đòi hỏi phải kịp thời sửa đổi, bổ sung Nghị định số 113/2025/NĐ-CP để thể chế hóa ổn định, lâu dài các chính sách cắt giảm, đơn giản hóa này; tránh tối đa nguy cơ phát sinh khoảng trống pháp lý hoặc tình trạng doanh nghiệp phải thực hiện lại các thủ tục, điều kiện đã được bãi bỏ khi Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2027.

d) Bên cạnh đó, thực tiễn giải quyết các thủ tục khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ dự phòng đòi hỏi phải rút ngắn thời gian xử lý và công khai, minh bạch quy trình (ngay trong 01 ngày làm việc) nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân và tăng cường chuyển đổi số trong công tác lưu trữ.

Dựa trên cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn nêu trên, cần xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ để thực hiện những nội dung về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng

a) Kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

b) Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy định của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP với Luật Đầu tư (đã được sửa đổi, bổ sung) và Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ; khắc phục các bất cập, rào cản hành chính trong hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trữ.

c) Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, minh bạch; giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tránh để xảy ra khoảng trống pháp lý từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Quan điểm xây dựng

a) Bám sát và bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất: tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật hiện hành (Luật Lưu trữ năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động, Luật Lưu

trữ, Luật Bình đẳng giới, Luật Hoạt động chữ thập đỏ và Luật Việc làm; Luật Đầu tư năm 2025 và các quy định khác của pháp luật có liên quan).

b) Đổi mới tư duy quản lý nhà nước: chuyển từ phương thức quản lý tiền kiểm sang hậu kiểm đối với hoạt động dịch vụ lưu trữ; tăng cường trách nhiệm, tính chủ động, tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trữ và các cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ lưu trữ.

c) Đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính: bãi bỏ triệt để các điều kiện kinh doanh không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư; bãi bỏ các thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ; rút ngắn thời gian xử lý thủ tục cung cấp bản sao tài liệu lưu trữ dự phòng (giải quyết trong 01 ngày làm việc).

d) Bảo đảm tính khả thi và kế thừa: các nội dung sửa đổi, bổ sung phải rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, phù hợp với thực tiễn; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, ổn định của chính sách khi Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP hết hiệu lực thi hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Ngày 21 tháng 7 năm 2026 Bộ Nội vụ đã có văn bản số 7808/BNV-PC gửi Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng và Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà về việc báo cáo kết quả xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027, tại Phụ lục II ban hành kèm theo văn bản số 7808/BNV-PC đề xuất trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ thời gian dự kiến trình Chính phủ là tháng 12/2026 (Số thứ tự 17 Phụ lục II).

Ngày 04 tháng 8 năm 2026 Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 7682/VPCP-KHVX về kết quả xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 của Bộ Nội vụ, trong đó giao: *“Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiếp tục rà soát kỹ tổng thể hệ thống văn bản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tiến độ, chất lượng xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027; không để xảy ra tình trạng chậm tiến độ, nợ đọng văn bản làm phát sinh khoảng trống pháp lý.”*

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Tổng kết thực hiện Nghị định số 113/2025/NĐ-CP.
2. Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
3. Đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.
4. Lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức trung ương, địa phương và các cơ quan tổ chức có liên quan đối với hồ sơ dự thảo Nghị định.
5. Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

6. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.

7. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định đề trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 32 của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP.

Điều 2: Bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP.

Điều 3: Hiệu lực thi hành.

Điều 4: Trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

a) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cung cấp bản sao tài liệu lưu trữ dự phòng (Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 32).

Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 32 theo hướng rút ngắn thời hạn cung cấp bản sao tài liệu lưu trữ dự phòng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân xuống còn 01 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản/đơn đề nghị) theo quy trình nghiệp vụ của cơ quan quản lý tài liệu lưu trữ dự phòng.

Trường hợp từ chối cung cấp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản/đơn đề nghị, cơ quan quản lý tài liệu lưu trữ dự phòng phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Cắt giảm, bãi bỏ các quy định về điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động dịch vụ lưu trữ (Điều 2 dự thảo Nghị định) bảo đảm tính thống nhất với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2026). Dự thảo Nghị định bãi bỏ các nội dung sau tại Nghị định số 113/2025/NĐ-CP:

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 1 (quy định liên quan đến cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ).

- Bãi bỏ toàn bộ Chương VII bao gồm các điều: Điều 36 (điều kiện kinh doanh hạ tầng kỹ thuật để bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ giấy và trên vật mang tin khác), Điều 37 (điều kiện kinh doanh hạ tầng kỹ thuật lưu trữ số và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ), các Điều 38, 39, 40, 41 (quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ).

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 43 (quy định chuyển tiếp về việc xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 113/2025/NĐ-CP).

- Bãi bỏ các Mẫu số 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2025/NĐ-CP gồm: (1) các mẫu đơn đề nghị, (2) bản thuyết

minh, (3) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ; (4) Quyết định thu hồi Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ.

c) Về hiệu lực và trách nhiệm thi hành (Điều 3 và Điều 4 dự thảo Nghị định)

Hiệu lực thi hành: dự thảo Nghị định quy định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027. Quy định này bảo đảm tính liên tục, kế thừa ngay sau khi Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP hết thời hạn áp dụng (ngày 28 tháng 02 năm 2027), không làm phát sinh khoảng trống pháp lý.

Trách nhiệm thi hành: quy định trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành Nghị định.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành

a) Bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các quy định trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ.

b) Nội dung dự thảo Nghị định nhằm thống nhất, đồng bộ với chủ trương của Đảng, Nhà nước, hệ thống pháp luật hiện hành cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tổ chức, cá nhân tự chịu trách nhiệm thực hiện, không thay đổi quy trình, không làm phát sinh thêm hồ sơ thực hiện các thủ tục hành chính, do đó sẽ không làm phát sinh nhiệm vụ chi mới từ ngân sách nhà nước.

c) Việc triển khai thi hành Nghị định này trên cơ sở nguồn lực, điều kiện bảo đảm hiện có của Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, địa phương có liên quan, với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương. Sau khi Nghị định được ban hành và có hiệu lực, không làm tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành Nghị định. Kinh phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, tổ chức thi hành Nghị định sẽ được sử dụng đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước. Do vậy, việc bảo đảm nguồn lực, điều kiện thi hành Nghị định là khả thi.

2. Thời gian dự kiến ban hành

Để đảm bảo tính liên tục, không để xảy ra khoảng trống pháp lý khi Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP hết hiệu lực vào ngày 28 tháng 02 năm 2027, thời gian trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định: tháng 12 năm 2026; thời gian có hiệu lực thi hành dự kiến: kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Nội vụ gửi hồ sơ kèm theo gồm: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định; (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính; (6) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; (7) Báo cáo thẩm định; (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CVT<NN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Hải